

| | |
|--|--|
| <p>♦ Bài 4 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đề bài. - Cho HS tự làm – nhận xét <p>- Đề viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn, trước tiên chúng ta phải làm gì?</p> <p>4.Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nội dung bài đ học <p>5.Dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Dặn dò HS về nhà ôn luyện cách so sánh các số có 3 chữ số. -Chuẩn bị : Mét. | <ul style="list-style-type: none"> -Nhận xét. - 1 HS nêu. <p>4/ Viết các số 875, 1000, 299, 420 theo thứ tự từ bé đến lớn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào vở. - nhận xét bài bảng phụ. - Nêu cách thực hiện. |
|--|--|

Tuần : 29

Ngày 7/4/2017

MÉT

I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết mét là một đơn vị đo độ dài, biết đọc, viết kí hiệu mét. Biết được mối quan hệ giữa đơn vị mét với các đơn vị đo độ dài : đề – xi – mét, xăng – ti – mét.
- Biết làm các phép tính có kèm đơn vị đo độ dài mét. Biết ước lượng độ dài trong một số trường hợp đơn giản.
- Giáo dục tính cẩn thận, tính chính xác cho HS.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Thước mét (thước thẳng)
- 1 sợi dây dài 3 m

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

| HOẠT ĐỘNG THẦY | HOẠT ĐỘNG TRÒ |
|--|--|
| <p>1.Ôn định :</p> <p>2.Bài cũ : Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS làm miệng bài tập. -Xếp các số sau: 125, 479, 789, 879 theo thứ tự từ bé đến lớn. - Nhận xét <p>3.Bài mới : Mét.</p> <p>*Giới thiệu bài :</p> <p>* Ôn cm, dm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV y/ c HS. +Hãy chỉ ra trên thước kẻ đoạn thẳng có độ dài 1 cm, 1 dm. +Hãy vẽ 1 cm, 1 dm. +Hãy chỉ ra các đồ vật có độ dài 1 dm. -Nhận xét. <p>*Giới thiệu đơn vị đo độ dài mét (m)và thước mét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra 1 chiếc thước mét chỉ cho HS | <ul style="list-style-type: none"> - Ht vui - 1 HS lên bảng sửa bài, cả lớp làm vào vở nháp. -Nhận xét. - HS thực hiện theo y/ c GV. -Theo dõi. |

| | |
|--|---|
| <p>thấy rõ vạch 0, vạch 100 và giới thiệu: độ dài từ vạch 0 đến vạch 100 là 1 mét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ độ đoạn thẳng dài 1 m lên bảng và giới thiệu: đoạn thẳng này dài 1 m. - Mét là đơn vị đo độ dài. Mét viết tắt là “m”. -Viết “m” lên bảng. -Yêu cầu HS dùng thước loại 1 dm để đo độ dài đoạn thẳng trên. - Đoạn thẳng trên dài mấy dm? -Giới thiệu : 1 m = 10 dm và viết lên bảng $1\text{ m} = 10\text{ dm}$ -Yêu cầu HS quan sát thước mét và hỏi: 1 m dài bằng bao nhiêu cm? - Nêu : 1 mét dài bằng 100 cm và viết lên bảng : $1\text{ m} = 100\text{ cm}$ - Yêu cầu HS đọc SGK và nêu lại phần bài học. <p>*Luyện tập, thực hành.</p> <p>◆Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ? <p>Viết lên bảng $1\text{ m} = \dots\text{ cm}$ và hỏi: điền số nào vào chỗ trống? Vì sao?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nêu kết quả các bài còn lại. <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc cả bài tập 1. <p>◆Bài 2 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK <p>Và hỏi : Các phép tính trong bài có gì đặc biệt ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi thực hiện phép tính với các đơn vị đo độ dài, chúng ta thực hiện ntn? <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS tự làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Chữa bài và nhận xét. <p>◆Bài 4 : Viết cm hoặc m vào chỗ chấm thích hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - Muốn điền được đúng, các em cần ước lượng độ dài của vật được nhắc đến trong mỗi phần. - Hãy đọc phần a. - Yêu cầu HS hình dung đến cột cờ trong sân trường và so sánh độ dài của | <ul style="list-style-type: none"> - Một số HS lên bảng thực hành đo độ dài. - Dài 10 dm. - HS đọc :1 mét bằng 10đeximet. - 1 mét bằng 100 xăngtimet. -HS đọc : 1 mét bằng 100 xăngtimet. <p>1/</p> <ul style="list-style-type: none"> -Điền số thích hợp vào chỗ trống. - Điền số 100 vì 1 mét bằng 100 xăngtimet. - Tự làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài nhau. - 1 HS đọc. <p>2/</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là các phép tính với các đơn vị đo độ dài mét. - Ta thực hiện như với số tự nhiên, sau đó ghi tên đơn vị vào sau kết quả. - 2 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở. -Nhận xét. <p>4/</p> <ul style="list-style-type: none"> -Bài tập yêu cầu chúng ta điền cm hoặc mét vào chỗ trống. <p>a.Cột cờ trong sân trường cao 10... - Cột cờ cao khoảng 10m.</p> |
|--|---|

| | |
|---|---|
| <p>cột cờ với 10 m và 10 cm, sau đó hỏi: Cột cờ cao khoảng bao nhiêu? - Vậ điền gì vào chỗ trống trong phần a? - Yêu cầu HS làm tiếp các phần còn lại của bài theo nhóm đôi (3')</p> <p>-Nhận xét</p> <p>4.Củng cố: -Tổ chức cho HS sử dụng thước mét để đo chiều dài, chiều rộng của bàn học, ghế, bảng lớp, cửa chính, cửa sổ lớp học. -Yêu cầu HS nêu lại quan hệ giữa mét với đêximet, xăngtimet.</p> <p>5.Dặn dò : - Chuẩn bị : Kilômet.</p> | <p>- Điền m</p> <p>- Làm bài, sau đó 1 HS đọc bài làm của mình trước lớp. b) Bút chì dài 19cm. c) Cây cau cao 6m. d) Chú Tư cao 165cm.</p> <p>- HS nêu miệng kết quả.</p> |
|---|---|

Tuần : 30

Ngày 10/4/2017

KI – LÔ- MÉT

I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết ki-lô-mét là đơn vị đo độ dài, biết đọc, viết kí hiệu đơn vị ki-lô-mét.
- Biết tính độ dài đường gấp khúc với các số đo theo đơn vị km. Nhận biết

khoảng cách giữa các tỉnh trên bản đồ.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bản đồ Việt Nam.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

| | |
|-----------------------|----------------------|
| HOẠT ĐỘNG THẦY | HOẠT ĐỘNG TRÒ |
|-----------------------|----------------------|

| | |
|--|---|
| <p>1. Ôn định :</p> <p>2. Bài cũ : Mét.</p> <p>- Gọi HS lên bảng làm bài tập sau:</p> <p style="padding-left: 40px;">Số? 1 m = . . . cm 1 m = . . . dm . . . dm = 100 cm.</p> <p>- Chữa bài nhận xét.</p> <p>3. Bài mới :</p> <p>* Giới thiệu bài : Kilômet.</p> <p>* Giới thiệu đơn vị đo độ dài kilômet (km)</p> <p>- Kilômet kí hiệu là km.</p> <p>- 1 kilômet có độ dài bằng 1000 mét.</p> <p>- Viết lên bảng: 1km = 1000m</p> <p>- Gọi 1 HS đọc phần bài học trong SGK.</p> <p>* Thực hành.</p> <p>♦ Bài 1: Số ?</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- Theo dõi.</p> <p>- Cho HS nêu kết quả- nhận xét.</p> <p>♦ Bài 2 : Nhìn hình vẽ rồi trả lời câu hỏi.</p> <p>- Đính bảng phụ có vẽ đường gấp khúc SGK lên bảng, yêu cầu HS đọc tên đường gấp khúc và đọc từng câu hỏi cho HS trả lời.</p> <p>+ Quãng đường AB dài bao nhiêu kilômet?</p> <p>+ Quãng đường từ B đến D (đi qua C) dài bao nhiêu kilômet?</p> <p>+ Quãng đường từ C đến A (đi qua B) dài bao nhiêu kilômet?</p> <p>- Nhận xét và yêu cầu HS nhắc lại kết luận của bài.</p> <p>♦ Bài 3 : Nêu số đo thích hợp (theo mẫu)</p> <p>- GV treo lược đồ như SGK, sau đó chỉ trên bản đồ để giới thiệu: Quãng đường từ Hà Nội đến Cao Bằng dài 285 km.</p> <p>- Yêu cầu HS tự quan sát hình trong SGK và làm bài.</p> | <p>- Hát</p> <p>- 1 HS làm bài trên bảng, cả lớp làm bài ra giấy nháp.</p> <p>- HS đọc: 1km bằng 1000m.</p> <p>1/</p> <p>- HS đọc y/c bài tập.</p> <p>- HS làm vở và nêu kết quả.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>1 km = 1000 m 1000m = 1 km 1m = 10 dm 10 dm = 1 m 1 m = 100 cm 10 cm = 1 dm</p> <p>2/</p> <p>- Đường gấp khúc ABCD.</p> <p>+ Quãng đường AB dài 23 km.</p> <p>+ Quãng đường từ B đến D (đi qua C) dài 90km vì BC dài 42km, CD dài 48km, 42km cộng 48km bằng 90km.</p> <p>+ Quãng đường từ C đến A (đi qua B) dài 65km vì CB dài 42km, BA dài 23km, 42km cộng 23km bằng 65km.</p> <p>3/</p> <p>- Quan sát lược đồ.</p> <p>- Làm bài theo yêu cầu của GV.</p> <p>- 6 HS lên bảng, mỗi em tìm 1 tuyến</p> |
|--|---|

| | |
|--|--------|
| <p>-Gọi HS lên bảng chỉ lược đồ và đọc tên, đọc độ dài của các tuyến đường.</p> <p>4.Củng cố:</p> <p>- Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p>5.Dặn dò :</p> <p>- Chuẩn bị : Mi –li – mét.</p> | đường. |
|--|--------|

Tuần : 30
Ngày 11/4/2017

MI – LI - MÉT

I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết mi-li-mét là đơn vị đo độ dài, biết đọc, viết kí hiệu đơn vị mi-li-mét. Biết được quan hệ giữa đơn vị mi-li-mét với các đơn vị đo độ dài : xăng-ti-mét, mét.
- Biết ước lượng độ dài theo đơn vị cm, mm trong một số trường hợp đơn giản.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Thước kẻ chia vạch cm.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

| HOẠT ĐỘNG THẦY | HOẠT ĐỘNG TRÒ |
|---|---|
| <p>1.Ôn định :</p> <p>2.Bài cũ : Kilômet.</p> <p>-Gọi HS lên bảng làm bài tập sau:</p> <p>-Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ trống.</p> <p style="padding-left: 40px;">267km . . . 276km</p> <p style="padding-left: 40px;">324km . . . 322km</p> <p style="padding-left: 40px;">278km . . . 278km</p> <p>-Chữa bài và cho điểm HS.</p> <p>3.Bài mới :</p> <p>*Giới thiệu bài : Milimet.</p> <p>*Giới thiệu đơn vị đo độ dài milimet (mm)</p> <p>- GV giới thiệu: Chúng ta đã đã được học các đơn vị đo độ dài là xăngtimet, đêximet, mét, kilômet. Bài học này, các em được làm quen với một đơn vị đo</p> | <p>-Hát.</p> <p>-1 HS làm bài trên bảng, cả lớp làm bài ra giấy nháp.</p> |

| | |
|--|---|
| <p>độ dài nữa, nhỏ hơn xăngtimet, đó là milimet.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Milimet kí hiệu là mm. - Yêu cầu HS quan sát thước kẻ HS và tìm độ dài từ vạch 0 đến 1 và hỏi: Độ dài từ 0 đến 1 được chia thành mấy phần bằng nhau? - Mỗi phần nhỏ chính là độ dài của 1 milimet, milimet viết tắt là: 1mm ; 10mm có độ dài bằng 1cm. - Viết lên bảng: 10mm = 1cm. - Hỏi: 1 mét bằng bao nhiêu cm ? - Giới thiệu: 1m bằng 100 cm, 1cm bằng 10mm, từ đó ta nói 1m bằng 1000mm. -Viết lên bảng : 1m = 1000mm. -Gọi 1 HS đọc phần bài học trong SGK. <p>* Thực hành.</p> <p>◆ Bài 1: Số ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS làm bảng con. - GV nhận xét- cho HS đọc bảng con. <p>◆ Bài 2 : Mỗi đoạn thẳng dưới đây dài bao nhiêu mi-li-mét ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ trong SGK và tự trả lời câu hỏi của bài theo nhóm đôi. <p>◆ Bài 3 : (HSG)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề bài. - Muốn tính chu vi hình tam giác, ta làm ntn? - Yêu cầu HS làm bài. <p>- Chữa bài, nhận xét.</p> <p>◆ Bài 4 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS ước lượng rồi nêu kết quả. - Tổ chức cho HS thực hành đo bằng | <ul style="list-style-type: none"> - Được chia thành 10 phần bằng nhau. <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp đọc: 10mm = 1cm. - 1m bằng 100cm. <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại: 1m = 1000mm. <p>1/</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo yêu cầu GV. $1 \text{ cm} = 10 \text{ mm}$ $1 \text{ m} = 1000 \text{ mm}$ $1000 \text{ mm} = 1 \text{ m}$ $10 \text{ mm} = 1 \text{ cm}$ $5 \text{ cm} = 50 \text{ mm}$ $3 \text{ cm} = 30 \text{ mm}$ <p>2/</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm đôi. - 2 nhóm trình bày. <p>3/</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là: 24mm, 16mm và 28mm. - Ta tính tổng độ dài các cạnh của hình tam giác. - 1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở bài tập. <p>Bài giải</p> <p>Chu vi của hình tam giác đó là:</p> $24 + 16 + 28 = 68 \text{ (mm)}$ <p><u>Đáp số:</u> 68mm.</p> <p>4/</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắm và nêu kết quả. - HS đo các vật đã nêu ở bài tập. |
|--|---|

| | |
|---|--|
| thước để kiểm tra phép ước lượng. 4.Củng cố: -Hỏi lại HS về mối quan hệ giữa milimet với xăngtimet và với mét. 5.Dặn dò : -Dặn HS về nhà ôn lại kiến thức về các đơn vị đo độ dài đã học. -Chuẩn bị : Luyện tập. | |
|---|--|

Tuần : 30

Ngày 12/4/2017

LUYỆN TẬP

I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết thực hiện phép tính, giải bài toán liên quan đến các số đo theo đơn vị đo độ dài đã học.
- Biết dùng thước để đo độ dài cạnh của hình tam giác theo đơn vị cm hoặc mm.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- GV : Thước kẻ HS với từng vạch chia mi – li - mét. Hình vẽ bài tập 4.
- Bảng phụ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

| HOẠT ĐỘNG THẦY | HOẠT ĐỘNG TRÒ |
|--|--|
| 1.Ôn định : 2.Bài cũ : Milimet. Gọi HS lên bảng làm bài tập sau: Số? $4\text{cm} = \dots \text{mm}$ $7\text{cm} = \dots \text{mm}$. - Chữa bài và Nhận xét HS. | - Ht vui - HS làm bảng con. $4\text{cm} = 40\text{mm}$ $7\text{cm} = 70\text{mm}$ -Nhận xét. |
| 3.Bài mới : *Giới thiệu bài : Luyện tập. *Hướng dẫn luyện tập. ◆Bài 1: Tính - Gọi HS đọc y/ c bài tập. - Yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK và hỏi : Các phép tính trong bài tập là những phép tính ntn? - Khi thực hiện phép tính với các số đo ta làm ntn? - Yêu cầu HS làm bài bảng con, sau đó chữa bài . ◆Bài 2 : - Gọi 1 HS đọc đề bài. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề. | 1/ - Đọc y/ c đề bài - Là các phép tính với các số đo độ dài. - Ta thực hiện bình thường đó ghép tên đơn vị vào kết quả tính. - Làm bảng con. - Một người đi 18km để đến thị xã, sau đó lại đi tiếp 12km để đến thành phố. Hỏi người đó đã đi được tất cả |

| | |
|--|--|
| <p>Vẽ sơ đồ đường đi cần tìm độ dài lên bảng như sau:</p> <p style="text-align: center;">18km 12km</p> <p>Nhà-----/-----/</p> <p style="text-align: center;">Thị xã Thành phố</p> <p>- Yêu cầu HS suy nghĩ và làm bài.</p> <p>♦ Bài 4 :</p> <p>- Gọi HS nêu y/ c bài tập</p> <p>- Chữa bài và cho điểm HS</p> <p>- Cho HS tự làm.</p> <p>- Chấm 5 vở – nhận xét.</p> <p>- Yêu cầu HS nhắc lại cách đo độ dài đoạn thẳng cho trước, cách tính chu vi của một hình tam giác.</p> <p>4.Củng cố:</p> <p>-1 km = m 1m =</p> <p>Mm</p> <p>5.Dặn dò :</p> <p>-Chuẩn bị : Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> | <p>bao nhiêu kilômet?</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải.</u></p> <p>Người đó đã đi số kilômet là:</p> $18 + 12 = 30 \text{ (km)}$ <p style="text-align: center;"><u>Đáp số:</u> 30km.</p> <p>4/</p> <p>- Đo độ dài các cạnh và tính chu vi hình tam giác.</p> <p>- Làm bài:</p> <p>+ Các cạnh của hình tam giác là: $AB = 3\text{cm}, BC = 4\text{cm}, CA = 5\text{cm}$</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Chu vi của hình tam giác là:</p> $3 + 4 + 5 = 12 \text{ (cm)}$ <p style="text-align: center;"><u>Đáp số:</u> 12cm</p> |
|--|--|

Tuần : 30
Ngày 13/4/2017

VIẾT THÀNH TỔNG CÁC TRĂM, CHỤC, ĐƠN VỊ

I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết viết số có ba chữ số thành tổng tổng của số trăm, số chục, số đơn vị và ngược lại.

- Ôn về so sánh các số có ba chữ số.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

| HOẠT ĐỘNG THẦY | HOẠT ĐỘNG TRÒ |
|---|--|
| <p>1.Ôn định :</p> <p>2.Bài cũ : Luyện tập.</p> <p>- Gọi HS lên bảng làm bài tập sau: Số? 1 cm = mm A. 10 B. 20 C. 100</p> <p>- nhận xét- Chốt ý.</p> <p>- Gọi 5 HS đếm từ 201 đến 1000.</p> <p>3.Bài mới :</p> <p>*Giới thiệu bài : Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> <p>*Hướng dẫn và viết số có 3 chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> <p>- Viết lên bảng số 357 và hỏi: Số 357 gồm mấy trăm, chục, đơn vị ?</p> <p>- Dựa vào việc phân tích số 357 thành các trăm, chục, đơn vị như trên, ta có thể viết số này thành tổng như sau: $375 = 300 + 50 + 7$</p> <p>- Hỏi : 300 là giá trị của hàng nào trong số 357 ?</p> <p>- 50 là giá trị của hàng nào trong số 357 ?</p> <p>- 7 là giá trị của hàng đơn vị, việc viết số 357 thành tổng các trăm, chục, đơn vị chính là phân tích số này thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> <p>- Yêu cầu HS phân tích các số 820, 703 thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> | <p>- Ht vui</p> <p>- HS làm bài ở bảng con.</p> <p>- HS1: đếm từ 201 →210 HS2 : đếm từ 321 →322 HS3 : đếm từ 461 →472 HS1 : đếm từ 591 →600 HS1 : đếm từ 991 →1000</p> <p>- Số 357 gồm 3 trăm, 5chục và 7 đơn vị.</p> <p>- 300 là giá trị của hàng trăm.</p> <p>- 50 (hay 5 chục) là giá trị của hàng chục.</p> <p>- Phân tích số.</p> <p>- HS có thể viết : $820 = 800 + 20$</p> |

| | |
|---|--|
| <p>+ Nêu số 820 và yêu cầu HS lên bảng thực hiện phân tích các số này, HS dưới lớp làm bài ra giấy nháp.</p> <p>+ Nêu : Với các số hàng đơn vị bằng 0 ta không cần viết vào tổng, vì số nào cộng với 0 cũng vẫn bằng với chính số đó.</p> <p>- Yêu cầu HS phân tích số 703 sau đó rút ra chú ý: Với các số có hàng chục là 0 chục, ta không viết vào tổng, vì số nào cộng với 0 cũng vẫn bằng chính số đó.</p> <p>- Yêu cầu HS phân tích các số 450, 707, 803 thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> <p>* Luyện tập, thực hành.</p> <p>♦ Bài 1: Viết (theo mẫu)</p> <p>- Đính bảng phụ có ghi sẵn bài tập.</p> <p>- GV hướng dẫn mẫu.</p> <p>- Cho HS thực hiện nhóm đôi.</p> <p>- GV ghi bảng.</p> <p>♦ Bài 2 : Viết các số 271, 978, 835, 509.</p> <p>- HS viết bảng con.</p> <p>- GV nhận xét – Cho HS đọc tổng vừa viết.</p> <p>♦ Bài 3 :</p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta tìm tổng tương ứng với với số.</p> <p>- Viết lên bảng số 975 và yêu cầu HS phân tích số này thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> <p>- Khi đó ta nói số 975 với tổng $900 + 70 + 5$.</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm tiếp các phần còn lại của bài, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>4. Củng cố:</p> <p>- Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p>5. Dặn dò :</p> <p>- Yêu cầu HS về nhà ôn lại cách đọc, cách viết, cách phân tích số có 3 chữ số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> <p>- Chuẩn bị: Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000.</p> | <p>- $703 = 700 + 3$</p> <p>- Phân tích số:</p> <p>$450 = 400 + 50$</p> <p>$803 = 800 + 3$</p> <p>$707 = 700 + 7$</p> <p>1/</p> <p>- Đọc y/c bài tập.</p> <p>- 1 HSG nêu mẫu.</p> <p>- Thảo luận nhóm đôi.</p> <p>- HS trình bày miệng.</p> <p>2/</p> <p>- Nêu y/c bài tập.</p> <p>- Thực hiện theo y/c của GV.</p> <p>- HS trả lời: $975 = 900 + 70 + 5$</p> <p>- 1 HS đọc bài làm của mình trước lớp.</p> |
|---|--|

Ngày 14/4/2017

PHÉP CỘNG (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000

I. MỤC TIÊU : Giúp HS:

- Biết cách làm tính cộng (không nhớ) các số trong phạm vi 1000.
- Biết cộng nhẩm các số tròn trăm. Biết cách đặt tính và tính số có ba chữ số theo cột dọc.
- Giáo dục tính cẩn thận, tính chính xác cho HS.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Các hình vuông to, nhỏ (như SGK)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

| HOẠT ĐỘNG THẦY | HOẠT ĐỘNG TRÒ |
|---|--|
| <p>1. Ôn định :</p> <p>2. Bài cũ : Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.</p> <ul style="list-style-type: none">- Cho HS lên bảng làm bài tập sau:- Viết các số sau thành tổng các trăm, chục, đơn vị. 234, 910 <p>-nhận xét.</p> <p>3. Bài mới :</p> <p>*Giới thiệu bài : Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000.</p> <p>*Hướng dẫn cộng các số có 3 chữ số (không nhớ)</p> <p>♦Giới thiệu phép cộng.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV vừa nêu bài toán, vừa gắn hình biểu diễn số như phần bài học trong SGK.- Bài toán: Có 326 hình vuông, thêm 253 hình vuông nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu hình vuông?- Muốn biết có tất cả bao nhiêu hình vuông, ta làm thế nào?- Để tìm tất cả có bao nhiêu hình vuông, chúng ta gộp 326 hình vuông với 253 hình vuông lại để tìm tổng $326 + 253$. <p>♦Đi tìm kết quả.</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS quan sát hình biểu diễn phép cộng và hỏi: - Tổng 326 và 253 có tất cả mấy trăm, mấy chục và mấy hình vuông? - Gộp 5 trăm, 7 chục, 9 hình vuông lại | <ul style="list-style-type: none">- Hát vui- HS làm bài ở bảng con.-Nhận xét.- Theo dõi và tìm hiểu bài toán.- HS phân tích bài toán.- Ta thực hiện phép cộng $326 + 253$.- Có tất cả 5 trăm, 7 chục và 9 hình vuông.- Có tất cả 579 hình vuông.- $326 + 253 = 579$. |

| | |
|---|---|
| <p>thì có tất cả bao nhiêu hình vuông? - Vậy 326 cộng 253 bằng bao nhiêu? ♦Đặt tính và thực hiện. - Nêu yêu cầu: Dựa vào cách đặt tính cộng các số có 2 chữ số, hãy suy nghĩ và tìm cách đặt tính cộng 326, 253. -Nếu HS đặt tính đúng, GV cho HS nêu lại cách tính của mình, sau đó cho một số em khác nhắc lại. Nếu HS đặt tính chưa đúng, GV nêu cách đặt tính cho HS cả lớp cùng theo dõi. * Đặt tính. - Viết số thứ nhất (326), sau đó xuống dòng viết tiếp số thứ hai (253) sao cho chữ số hàng trăm thẳng cột với chữ số hàng trăm, chữ số hàng chục thẳng cột với chữ số hàng chục, chữ hàng đơn vị thẳng cột với chữ số hàng đơn vị. Viết dấu cộng vào giữa 2 dòng kẻ, kẻ vạch ngang dưới 2 số. (vừa nêu cách đặt tính, vừa viết phép tính). - Yêu cầu HS dựa vào cách thực hiện tính cộng với các số có 2 chữ số để tìm cách thực hiện phép tính trên. Nếu HS tính đúng, GV cho HS nêu cách thực hiện tính của mình, sau đó yêu cầu HS cả lớp nhắc lại cách tính và thực hiện tính 326 + 253. -Tổng kết thành quy tắc thực hiện tính cộng và cho HS học thuộc. + Đặt tính: Viết trăm dưới trăm, chục dưới chục, đơn vị dưới đơn vị. + Tính : Cộng từ phải sang trái, đơn vị cộng với đơn vị, chục cộng với chục, trăm cộng với trăm. * Luyện tập, thực hành. ♦Bài 1: Tính (3 cột đầu) - Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau. - Nhận xét và chữa bài. - Cho HS nêu lại cách tính. (2 cột cuối HSG về tự tìm kết quả) ♦Bài 2 : câu a) - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - Yêu cầu HS làm bảng con.</p> | <p>- 2 HS lên bảng lớp đặt tính. Cả lớp làm bài ra giấy nháp.</p> <p>- Theo dõi GV hướng dẫn và đặt tính theo.</p> $\begin{array}{r} 326 \\ + 253 \\ \hline \end{array}$ <p>1 HS lên bảng làm bài. HS cả lớp làm bài ra giấy nháp.</p> $\begin{array}{r} 326 \\ + 253 \\ \hline 579 \end{array}$ <p>+6 cộng 3 bằng 9, viết 9 +2 cộng 5 bằng 7, viết 7 +3 cộng 2 bằng 5, viết 5.</p> <p>1/ - Cả lớp làm bài, sau đó 6 HS nói tiếp nhau báo cáo kết quả của từng con tính trước lớp. - Tính từ phải sang trái.</p> <p>2/ - Đặt tính rồi tính. - HS làm bảng con câu a).</p> $\begin{array}{r} 832 \quad 257 \\ + 152 \quad + 321 \\ \hline 984 \quad 578 \end{array}$ |
|---|---|